

Hoạt động của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân - trợ lực thúc đẩy nền kinh tế nông thôn Việt Nam

ĐẶNG THU THỦY

Tính đến tháng 12-2014, quỹ tín dụng nhân dân đã không ngừng nâng cao cả về số lượng và chất lượng, khẳng định được vai trò tích cực trong việc góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, từng bước giúp cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp nhỏ tiếp cận được với các dịch vụ tài chính cơ bản, hạn chế tình trạng cho vay nặng lãi ở nông thôn.

Từ khóa: quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính, kinh tế nông thôn.

1. Tình hình hoạt động của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân

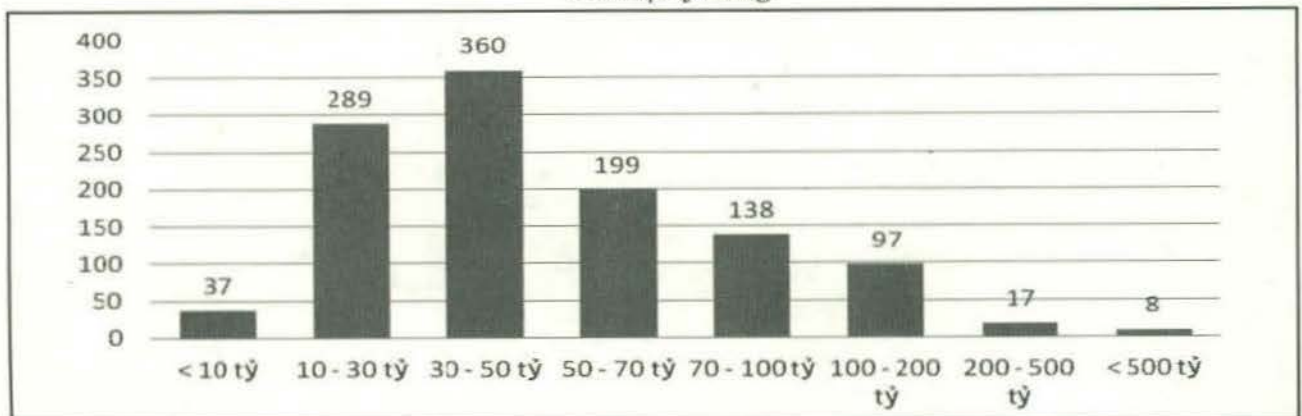
Tính đến cuối tháng 12-2014, toàn hệ thống có 1.145 quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) hoạt động trên 56/63 tỉnh, thành phố, tăng 1 quỹ so với cùng kỳ năm 2013, tăng 13 QTDND so với cuối năm 2012 và tăng 50 quỹ so với cuối năm 2011. Năm 2014, hệ thống QTDND ghi nhận 2 quỹ mới đi vào hoạt động là Mạo Khê (Quảng Ninh) và Viên Thành (Nghệ An) và 1 quỹ bị rút giấy phép hoạt động là Hoàng Thanh (Thanh Hóa). Hệ thống QTDND hoạt động trên địa bàn 2.831 xã, phường, thị trấn,

chiếm khoảng 29,4% số xã trên cả nước¹. Số thành viên tham gia tại các QTDND tính đến cuối năm 2014 là 1.955.328 thành viên, tăng 121.739 thành viên so với cùng kỳ năm 2013².

1.1. Nguồn vốn hoạt động

Tổng nguồn vốn hoạt động của các QTDND vẫn tiếp tục tăng trưởng ở mức cao tính đến cuối năm 2014, đạt 60.351 tỷ đồng tăng 22,3% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó tăng mạnh ở huy động tiền gửi từ dân cư, tổ chức kinh tế và nguồn vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên quy mô nguồn vốn hoạt động không đồng đều giữa các quỹ trên địa bàn cả nước (hình 1).

HÌNH 1: Quy mô nguồn vốn hoạt động của các QTDND trên cả nước năm 2014
Đơn vị: tỷ đồng



Nguồn: Vụ Dự báo - Thống kê tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước.

Đặng Thu Thủy, Học viện Ngân hàng.

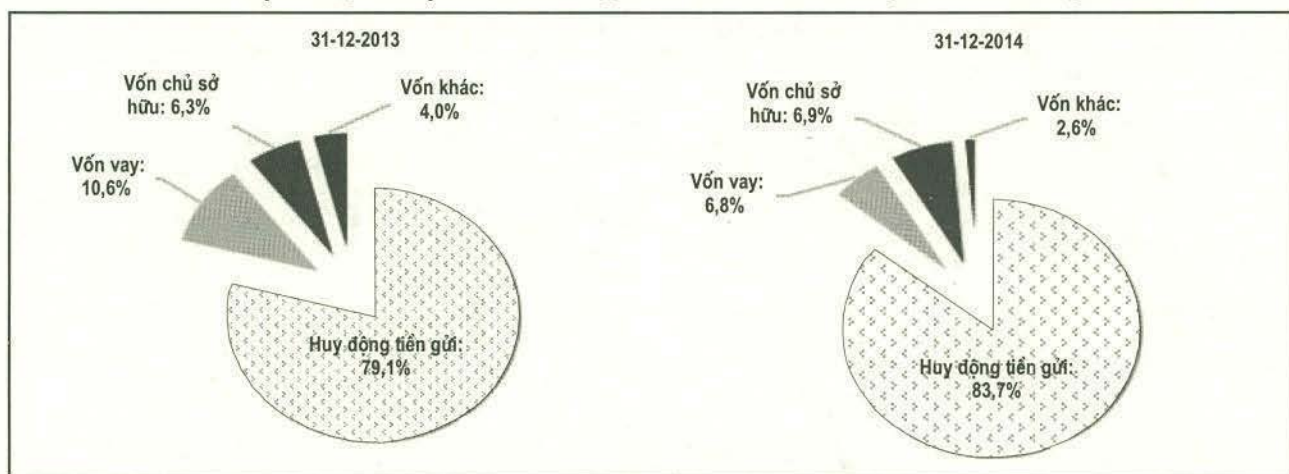
1. Theo Tổng cục Thống kê, tính đến 31-12-2014, tổng số xã, phường, thị trấn trên cả nước đạt 11.161.
2. Vụ Dự báo - thống kê tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước.

Hình 1 cho thấy sự phân hóa rõ rệt giữa quy mô của các QTDND, số lượng các QTDND có quy mô nguồn vốn hoạt động dưới 100 tỷ chiếm chủ đạo trong toàn hệ thống QTDND trên cả nước. Tính đến cuối tháng 12-2014, phân khúc các QTDND có quy mô nguồn vốn dưới 100 tỷ đạt 1.023 quỹ, còn các QTDND có quy mô nguồn vốn trên 100 tỷ đạt 122 quỹ. Quỹ Quảng Thành (Thanh Hóa) được coi là có quy mô

nguồn vốn thấp nhất chỉ đạt 434 triệu đồng và quỹ cao nhất đạt 719,4 tỷ đồng (Quỹ Nông trường Mộc Châu – Sơn La).

Sự dịch chuyển cơ cấu nguồn vốn của các QTDND trong năm 2014 cũng có sự thay đổi khá rõ so với năm 2013. Nếu trong năm 2013, vốn vay đã giảm được 3,8%, nguồn vốn khác giảm 1,4%, trong khi đó vốn chủ sở hữu đã tăng thêm 0,6% so với cuối năm 2014 (hình 2).

HÌNH 2: Sự chuyển dịch cơ cấu nguồn vốn của các QTDND trong năm 2014



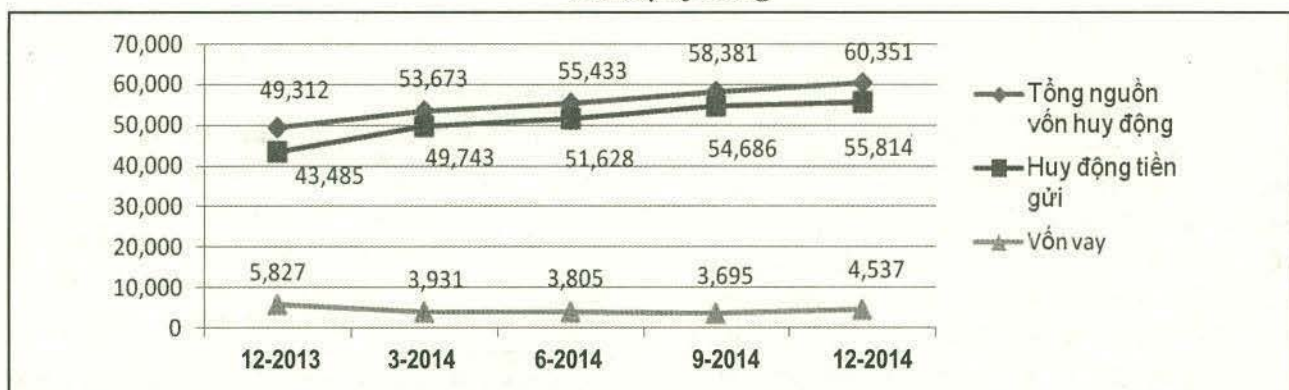
Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Nguyên vốn huy động tiền gửi từ dân cư cuối năm 2014, tổ chức kinh tế (huy động TTI) đạt 55.814,4 tỷ đồng (chiếm 83,7 tổng nguồn vốn), tăng hơn 28,35% so với thời điểm 31-12-2013 chỉ đạt 79,1% trên tổng nguồn vốn của các QTDND. Điều này cho thấy các QTDND ngày càng lấy được niềm tin trong dân cư, đây là điều kiện thuận lợi để các QTDND mở rộng cho vay thành viên phát triển sản xuất, kinh

doanh. Nguồn vốn vay từ Ngân hàng hợp tác xã và các tổ chức tín dụng khác (huy động TTII) của hệ thống QTDND cuối năm 2014 là 4.536,7 tỷ, giảm 1.290 tỷ (khoảng 22,13%) so với cùng kỳ năm 2013. Diễn biến nguồn vốn huy động của hệ thống QTDND cho ta thấy tính thanh khoản của các QTDND cao hơn do huy động vốn thị trường 1 tăng nhanh trong khi dư nợ cho vay tăng thấp hơn.

HÌNH 3: Nguồn vốn huy động của hệ thống QTDND năm 2014

Đơn vị: tỷ đồng



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

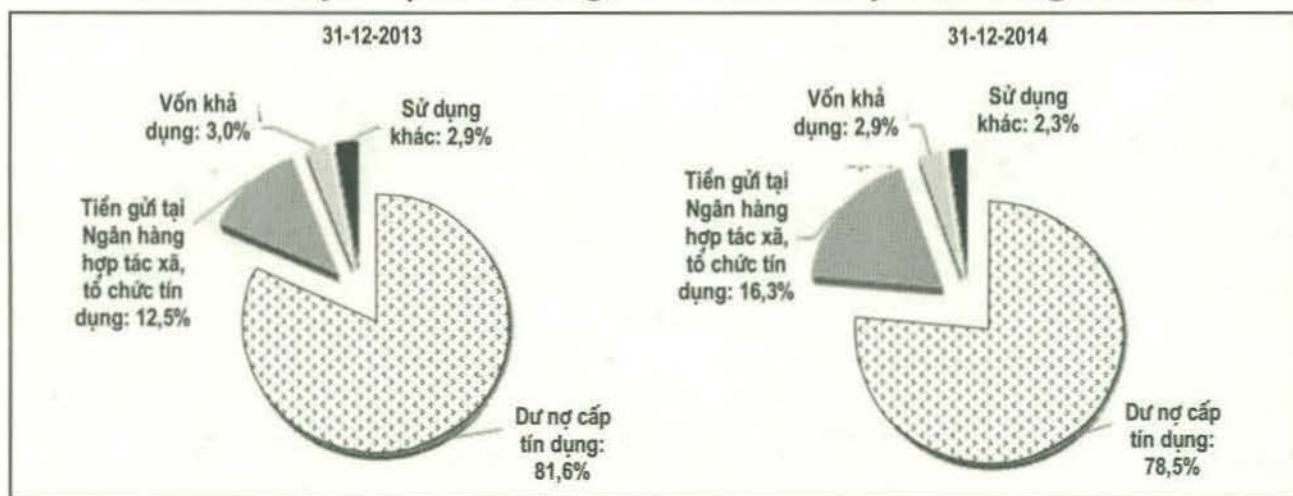
Nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng được chia thành (i) vay Ngân hàng hợp tác xã và (ii) vay các tổ chức tín dụng khác. Các QTDND vay Ngân hàng hợp tác xã tính đến 31-12-2014 là 4.531,977 tỷ đồng³ (chiếm 99% nguồn vốn vay), trong khi đó vay các tổ chức tín dụng khác năm 2014 là 4,8 tỷ đồng, chỉ chiếm phần nhỏ nguồn vốn vay. Nguồn vốn chủ sở hữu tăng nhanh, tuy nhiên vẫn giữ tỷ trọng thấp trong tổng nguồn vốn hoạt động.

Cuối năm 2014, nguồn vốn chủ sở hữu là 4.625,4 tỷ đồng, tuy tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2013 nhưng vẫn chỉ chiếm tỷ trọng thấp trong tổng nguồn vốn hoạt động (6,9%).

1.2. Việc sử dụng vốn

Cơ cấu sử dụng vốn của các QTDND cũng có sự chuyển dịch hợp lý trong năm 2014, nguồn vốn sử dụng để cấp tín dụng cũng giảm xuống mức phù hợp để đảm bảo khả năng chi trả, thanh toán của các QTDND.

HÌNH 4: Chuyển dịch cơ cấu nguồn vốn của các QTDND trong năm 2014



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

1.2.1. Dự nợ cấp tín dụng của hệ thống QTDND

Dự nợ cấp tín dụng của hệ thống QTDND tăng trưởng 16,7% so 31-12-2013, tuy cao hơn tốc độ tăng trưởng chung 14,2% của toàn hệ thống tổ chức tín dụng, nhưng vẫn thấp hơn nhiều so mức tăng trưởng 24,8% của cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ “dự nợ cấp tín dụng TT1/huy động TT1” tính chung các QTDND ở mức 93,8%.

Đến 31-12-2014, tổng dự nợ cấp tín dụng là 52.376 tỷ đồng, chiếm 78,5% tổng sử dụng vốn, tăng 16,7% so 31-12-2013. Do hoạt động của các QTDND có đặc thù, huy động vốn chủ yếu để cho vay thành viên phát triển sản xuất-kinh doanh, chưa có các sản phẩm dịch vụ khác nên tỷ lệ “dự nợ cấp tín dụng TT1/huy động TT1” của các QTDND thường ở mức cao. Từ cuối năm 2011 đến nay, Ngân

hàng Nhà nước không ngừng chỉ đạo các QTDND giảm dần tỷ lệ dự nợ tín dụng, cân đối hợp lý nguồn vốn và sử dụng vốn để đảm bảo khả năng chi trả nên tỷ lệ “dự nợ tín dụng TT1/huy động TT1” cũng được điều chỉnh giảm dần, cuối năm 2011 là 110,5%, cuối năm 2012 là 101,3%, tuy đến cuối năm 2013 có tăng lên 103,2% nhưng đến 31-12-2014 đã giảm còn 93,8%, cho thấy các quỹ đã có sự điều chỉnh phù hợp trong công tác cấp tín dụng để đảm bảo an toàn trong hoạt động.

Chất lượng tín dụng: tính chung toàn hệ thống QTDND tỷ lệ nợ xấu tuy không cao, nhưng có xu hướng tăng qua từng thời kỳ; trong đó nợ nhóm 5 tăng nhanh và chiếm tỷ trọng cao trong tổng nợ xấu. Đến 31-12-2014, tổng nợ xấu của các QTDND là 451,4 tỷ đồng,

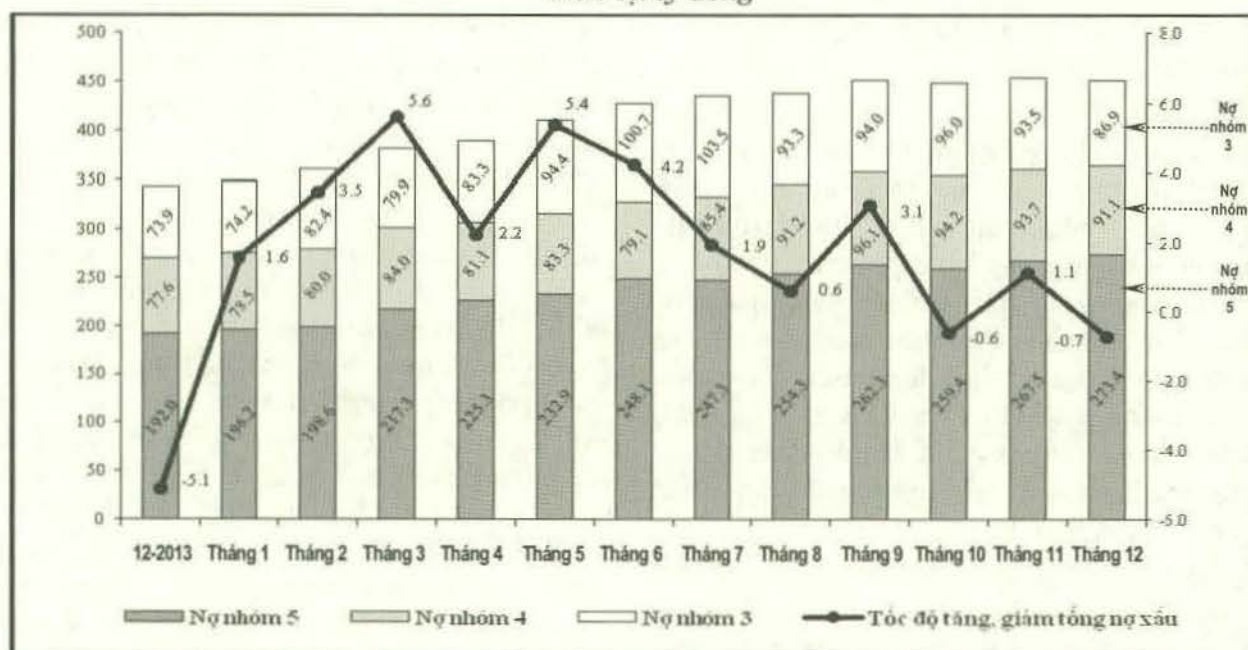
3. Báo cáo thường niên năm 2014 của Ngân hàng hợp tác xã.

tăng 31,4% so 31-12-2013. Tỷ lệ nợ xấu là 0,86%. Nợ xấu tập trung chủ yếu ở nhóm 5, đến 31-12-2014 nợ nhóm 5 là 273,4 tỷ đồng

(chiếm 60,6% tổng nợ xấu), nợ nhóm 4 là 91,1 tỷ đồng (chiếm 20,2%) và nợ nhóm 3 là 86,9 tỷ đồng (chiếm 19,2%).

HÌNH 5: Diễn biến cơ cấu nợ năm 2014

Đơn vị: tỷ đồng



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

1.2.2. Tiền gửi tại Ngân hàng hợp tác xã và tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại Ngân hàng hợp tác xã và tổ chức tín dụng khác: Đến 31-12-2014 tiền gửi tại Ngân hàng hợp tác xã và tổ chức tín dụng khác là 10.846,6 tỷ đồng, bằng 16,3% tổng nguồn vốn, tăng mạnh 58,4% so 31-12-2013; trong đó: (i) tiền gửi tại NHHTX là 8.939,9 tỷ đồng (tăng 66,6%), chiếm tỷ lệ cao (82,4%) do các QTDND theo quy định tại Thông tư 31/2012/TT-NHNN phải gửi tiền nhàn rỗi tại Ngân hàng hợp tác xã và (ii) tiền gửi tổ chức tín dụng khác là 1.906,7 tỷ đồng (chiếm 17,6%), tăng 28,8%. Còn một số ít QTDND gửi vốn tạm thời nhàn rỗi tại tổ chức tín dụng khác do địa bàn hoạt động của những Quỹ này chưa có chi nhánh Ngân hàng hợp tác xã, một số Quỹ gửi tiền cả Ngân hàng hợp tác xã và tổ chức tín dụng khác.

1.2.3. Vốn khả dụng

Vốn khả dụng (chỉ tính tiền mặt và tiền gửi NHNN) của hệ thống QTDND tăng liên tục,

đến 31-12-2014 là 1.927,0 tỷ đồng (tăng 18,7% so 31-12-2013), chiếm 2,9% tổng sử dụng vốn. Nếu tính cả tiền gửi tại Ngân hàng hợp tác xã và tổ chức tín dụng khác thì lên tới 12.773,6 tỷ đồng, chiếm 19,2% tổng sử dụng vốn.

2. Đánh giá vai trò của hệ thống QTDND đối với nền kinh tế nông thôn Việt Nam

Sau hơn 20 năm hình thành và phát triển, hệ thống QTDND đã luôn khẳng định vai trò của mô hình kinh tế hợp tác xã kiểu mới trong lĩnh vực tiền tệ - tín dụng, đóng góp ngày càng quan trọng cho công cuộc xóa đói giảm nghèo, mở rộng dịch vụ ngành nghề, tạo công ăn việc làm ở vùng nông thôn, hạn chế tình trạng cho vay nặng lãi và đẩy lùi một số tệ nạn ở nông thôn, là một kênh huy động vốn quan trọng và đóng góp tích cực trong quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

(i) Do không quá khắt khe về điều kiện và thủ tục hay yêu cầu về thế chấp tài sản khi

vay vốn tại các ngân hàng thương mại là những ưu việt của QTDND tại từng cơ sở. Đây chính là ưu điểm giúp mỗi người dân tại khu vực nông thôn với mức thu nhập không cao có thể dễ dàng tiếp cận nguồn vốn để đầu tư và phát triển kinh tế gia đình, nâng cao chất lượng cuộc sống.

(ii) Dựa trên nền tảng mô hình tổ chức kinh tế tập thể và quản lý hoạt động theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng (2010), hoạt động của các QTDND trên địa bàn cả nước về cơ bản đã tạo được sự tín nhiệm của người dân, thành viên nơi quỹ hoạt động. Đặc biệt ở những vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa hẻo lánh nên các ngân hàng thương mại chưa có điểm giao dịch đã vươn lên và tạo sự cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh với các loại hình tổ chức tín dụng khác trên địa bàn.

(iii) Thông qua hoạt động của hệ thống QTDND, ý thức tiết kiệm và tích lũy của người dân được nâng cao, những đồng vốn nhàn rỗi được huy động để hỗ trợ lẫn nhau, đưa và đầu tư phát triển sản xuất, mở mang ngành nghề, dịch vụ, qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế. Mặt khác, hệ thống QTDND đóng góp một cách đáng kể các khoản thuế hàng năm cho ngân sách tại từng địa phương. Không chỉ vậy, những nơi QTDND hoạt động tích cực, công ăn việc làm của người lao động được cải thiện, góp phần xóa đói giảm nghèo, giúp đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

(iv) Sự ra đời và hoạt động của QTDND ngoài việc cung ứng vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất – kinh doanh của người dân ở nông thôn, hạn chế được tệ nạn cho vay nặng lãi và các hình thức biến tướng của nó ở khu vực nông thôn. Nhiều địa phương trước đây khi chưa có QTDND, nạn cho vay nặng lãi phát triển mạnh, nhưng đến nay, tình trạng này đã có chiều hướng giảm mạnh. Thông qua việc cho vay, QTDND đã tạo điều kiện cho nhiều hộ nông dân thoát khỏi tình cảnh đói nghèo, đời sống được cải thiện. Nhiều hộ gia đình nhờ vay được vốn từ QTDND đã

thoát khỏi tình cảnh đói nghèo, đời sống được cải thiện. Nhiều hộ gia đình nhờ vay được vốn từ quỹ đã vươn lên giàu có, nhiều thành viên QTDND đã trở thành những điển hình sản xuất – kinh doanh giỏi.

Bên cạnh những ưu điểm, hoạt động của các QTDND đang phải đối mặt không ít khó khăn. Hầu hết QTDND hiện nay có quy mô nhỏ so với các loại hình tổ chức tín dụng khác, hoạt động chủ yếu ở khu vực ngoại thành, nông thôn, khách hàng chủ yếu là người lao động nghèo, buôn bán nhỏ nên khó cạnh tranh với loại hình tổ chức tín dụng khác. Bên cạnh đó, tâm lý người dân vẫn còn e dè đối với hoạt động của hệ thống QTDND, nên việc huy động tiết kiệm vẫn khó. Đa số quỹ tín dụng huy động vốn nhờ người thân hoặc mối quan hệ cá nhân, uy tín của từng thành viên hội đồng quản trị, ban điều hành đối với người dân địa phương. Nhiều người dân chưa nhận thức rõ bản chất hoạt động của QTDND, mà đơn giản nghĩ rằng, việc trở thành thành viên QTDND là để được vay tiền, nên vẫn còn hạn chế trong việc đóng góp để xây dựng quỹ phát triển, góp phần quản lý và giám sát hoạt động của QTDND.

3. Những khuyến nghị nhằm nâng cao hoạt động của hệ thống QTDND

3.1. Ngân hàng nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý để đảm bảo hoạt động an toàn của QTDND

Ngân hàng nhà nước cần có sự quan tâm đúng mức, tạo hành lang pháp lý để hệ thống QTDND phát triển thuận lợi, nhằm tạo điều kiện cho hệ thống ổn định hoạt động sau đó củng cố, chấn chỉnh, có điều kiện tăng cường nguồn lực tài chính, đầu tư cơ sở vật chất, đào tạo cán bộ tạo nền tảng chuẩn vị cho giai đoạn phát triển. Ngân hàng nhà nước cần sớm ban hành những cơ chế, chính sách hỗ trợ cho hệ thống QTDND như: Quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn áp dụng đối với QTDND, Quy chế xếp loại QTDND, văn bản hướng dẫn QTDND thực hiện quy trình thanh lý, giải thể, phá sản, sáp nhập phù hợp với Luật Tổ chức tín dụng 2010 và Luật Phá sản.

3.2. Cần có sự kết hợp giữa Ngân hàng nhà nước với các Cơ quan ban ngành liên quan trong việc tăng cường hoạt động, nâng cao hiệu quả của các QTDND

Ngân hàng Nhà nước cần phối hợp với các Bộ, ban ngành liên quan trong việc đưa ra các quy định về giới hạn tiền lương, thang bảng lương đối với những người hoạt động trong QTDND để tránh trường hợp các Quỹ chạy theo hoạt động lợi nhuận để tăng thu nhập cho cán bộ nhân viên mà xa rời mục tiêu xã hội. Ngoài ra, Ngân hàng nhà nước và các đơn vị liên quan cần có văn bản để giúp nâng cao mức chi trả bảo hiểm tiền gửi cho khách hàng trong trường hợp QTDND bị áp dụng luật phá sản, giảm bớt thiệt hại cho khách hàng gửi tiền. Bên cạnh đó, Ngân hàng nhà nước cần phối hợp với các Bộ có thẩm quyền để xây dựng chế tài đủ mạnh để xử lý khách hàng vay vốn cố tình không trả nợ, đẩy nhanh tiến độ xử lý các Vụ án, thi hành án có hiệu quả.

3.3. Ngân hàng hợp tác xã cần nêu cao tính chủ động trong việc hỗ trợ, giúp đỡ hoạt động của QTDND

Ngân hàng hợp tác xã là một tổ chức tín dụng hợp tác nhằm tương trợ và tăng cường hiệu quả cho hoạt động của hệ thống các Quỹ tín dụng nhân dân. Ngân hàng này làm đầu mối của hệ thống QTDND, giữ vai trò điều hoà vốn. Ngân hàng hợp tác xã cần có những điều chỉnh về lãi suất cho vay của mình đối với QTDND để tránh quá cao, mức lãi suất này chỉ nên duy trì chênh lệch giữa lãi suất tiền vay và lãi suất tiền gửi ở mức 1,5% - 2%/năm. Ngân hàng hợp tác xã cần tăng cường hơn nữa vai trò đối với hệ thống QTDND, cần có những dự án cho vay với lãi suất hợp lý, thời hạn cho vay phù hợp với chính sách tín dụng hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Ngoài ra, Ngân hàng hợp tác xã cần ra soát lại Quy chế điều hòa vốn, quy chế quản lý và sử dụng quỹ an toàn hệ thống để chỉnh sửa bổ sung cho phù hợp. Bên cạnh đó, Ngân hàng hợp tác xã cần đảm bảo

tính tương trợ, liên kết trong hệ thống và tạo điều kiện thuận lợi để các QTDND hoạt động an toàn, phát triển bền vững.

3.4. Nâng cao hoạt động, phát triển dịch vụ tại chính QTDND

QTDND cần chủ động, từng bước triển khai mở rộng các hình thức dịch vụ ngân hàng trong hệ thống như: bảo lãnh, cho vay hợp vốn, liên kết huy động, phát triển hoạt động công nghệ thông tin; đồng thời từng bước hội nhập tham gia thị trường thẻ, công ty mua bán nợ, công ty chứng khoán với các ngân hàng thương mại Nhà nước tạo tiền đề xây dựng và trực tiếp triển khai các dịch vụ này ở Quỹ tín dụng Trung ương là đơn vị đầu mối.

Tóm lại, chính sự ra đời của QTDND đã thiết lập một mô hình tín dụng hợp tác mới với tình hình kinh tế thị trường ở nông thôn. Trong bối cảnh các ngân hàng thương mại và các định chế tài chính khác chưa đẩy mạnh hoạt động ở khu vực xa các trung tâm đô thị, hệ thống QTDND đã góp phần bổ sung vào khoảng trống trong hoạt động ngân hàng. Bên cạnh những hạn chế, chúng ta không thể phủ nhận tính tích cực của QTDND trong vai trò là trợ lực thúc đẩy nền kinh tế nông thôn Việt Nam trong giai đoạn qua./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TS. Nguyễn Minh Kiều (2006), *Tín dụng và thẩm định dự án*, Nxb Tài chính.
2. TS Nguyễn Minh Kiều (2006), *Nghiệp vụ ngân hàng*, Nxb Thống kê.
4. PGS.TS Nguyễn Đăng Dờn (2003), *Tín dụng - ngân hàng*, Nxb Thống kê.
5. TS. Trần Quang Khánh (Vụ các tổ chức tín dụng và hợp tác) (2003), *Mô hình tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân*, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xuất bản.
6. Tô Kim Ngọc (2003). *Những vấn đề cơ bản về tiền tệ - tín dụng - nhân dân và quỹ tín dụng nhân dân*, Học viện Ngân hàng xuất bản.